

Ngọc Hòì, ngày tháng 3 năm 2024

Số: /BC - CTy

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT - BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC, ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 cho các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu.

Căn cứ Quyết toán tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hòì đã được kiểm toán.

Căn cứ Báo cáo đánh giá tình hình tài chính và tổ chức giám sát trong nội bộ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hòì năm 2023.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hòì báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2023, như sau:

1. Chỉ tiêu 1. Doanh thu và thu nhập khác

- Kế hoạch: 9.891,97 triệu đồng.
- Thực hiện: 13.049,9 triệu đồng.
- Xếp loại: A.

2. Chỉ tiêu 2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

- Kế hoạch: /
- Thực hiện:
- + Lợi nhuận sau thuế: 112.562.614 đồng.
- + Vốn chủ sở hữu: 10.040.029.094 đồng. Trong đó:
 - * Vốn góp của chủ sở hữu: 8.277.137.829 đồng.
 - * Nguồn vốn đầu tư XDCB: 1.762.891.265 đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu: 1,12%

- Xếp loại: A

3. Chỉ tiêu 3. Nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Nợ phải trả: 5.799.362.953 đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả quá hạn: Không.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
A. Vốn chủ sở hữu	410	10.316.739.574	10.160.134.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	8.277.137.829	8.277.137.829
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	276.710.480	120.105.326
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	1.762.891.265	1.762.891.265
B. Tổng tài sản	270	17.952.721.527	15.841.229.549
Trong đó: Tài sản ngắn hạn		12.688.092.354	10.959.666.983
C. Nợ phải trả	300	5.799.362.953	4.102.225.099
Trong đó: Nợ ngắn hạn	310	5.799.362.953	4.102.225.099
D. Khả năng thanh toán nợ			
1, Khả năng thanh toán nợ đến hạn		2,19	2,67
2, Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu		0,56	0,40

* Số liệu xác định các chỉ tiêu là số bình quân của năm bằng (Đầu năm + Cuối năm)/2

- Xếp loại: A.

4. Chỉ tiêu 4. Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

- Đơn vị thực hiện tốt, không nợ thuế và đã thực hiện đầy đủ các kết quả kiểm tra, giám sát của các cấp.

- Xếp loại: A.

TT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch
1	Quản lý bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng	ha	7.941,14	7.817,08	124,06
2	Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất	ha	14.123,52	14.119,82	3,70

5. Chỉ tiêu 5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Nguyên nhân chênh lệch:

a. Quản lý bảo vệ rừng cung ứng DVMTR:

a.1/ Nguyên nhân chênh lệch giữa Kế hoạch năm 2023 với kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023: Do sự chậm trễ của các cơ quan có thẩm quyền trong việc

kiểm tra, nghiệm thu kết quả quản lý bảo vệ rừng cung ứng DVMTR năm 2022, đến tháng 7 năm 2023 mới có kết quả kiểm tra cuối cùng. Trong khi đó, khi xây dựng Kế hoạch Sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển của năm 2023, đơn vị phải tổ chức thực hiện cuối năm 2022, các số liệu được kế thừa từ kế hoạch năm 2022. Đến tháng 7 năm 2023 mới có kết quả nghiệm thu của liên ngành về kết quả quản lý bảo vệ rừng cung ứng DVMTR năm 2022. Do đó, có sự chênh lệch về số liệu diện tích cung ứng DVMTR. Đây là yếu tố khách quan, bất khả kháng.

a.2/ Năm 2023, thực hiện dự án xác định ranh giới sử dụng đất, đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên Lâm phần Đội quản lý bảo vệ rừng phòng hộ Đăk Ang – Trục thuộc Công ty quản lý. Dự án do đơn vị tư vấn là Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền nam thực hiện, có 48,34 ha diện tích rừng tự nhiên đơn vị tạm tiếp nhận từ UBND các xã theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum, bị chồng lấn, hiện tại người dân đang canh tác từ rất lâu năm, không có hiện tượng phá rừng làm nương rẫy. Do đó, khi có kết quả rà soát báo cáo diện tích DVMTR, đơn vị đã chủ động không đưa diện tích này vào cung ứng DVMTR năm 2023.

a.3/ Khai thác 19,27 ha rừng trồng là diện tích giao khoán đất theo Nghị định số 135/2005 cho hộ gia đình tự tổ chức trồng rừng và đã tự thực hiện khai thác để trồng lại rừng trong năm 2023 nhưng không báo cáo trước kế hoạch khai thác với công ty.

a.4/ Trong quá trình thực hiện rà soát theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng năm 2023 một số diện tích bị các dòng suối bồi lấp do lệch dòng chảy tự nhiên, hiện trạng là cây bụi, lau sậy, không đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 với tổng diện tích là 16,79 ha.

a.5/ Không cập nhật được vào phần mềm diễn biến rừng 1,63 ha.

Đây là diện tích được liên ngành kiểm tra, xác định ngoài thực địa trong năm 2023 là có rừng, nhưng chưa được cập nhật diễn biến rừng. Nguyên nhân: Khi cập nhật diễn biến rừng vào phần mềm FRMS có một số diện tích manh mún nhỏ lẻ... diện tích nhỏ hơn 0,3 ha không cập nhật được, báo lỗi hệ thống phần mềm. Đây là nguyên nhân khách quan. *(Biên bản làm việc thống nhất số liệu của liên ngành ngày 05/3/2024).*

a.6/ Cập nhật diễn biến tài nguyên rừng năm 2023, có 3,33 ha rừng tự nhiên đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 *(diện tích tăng)*.

Tổng hợp các nguyên nhân

TT	Diễn giải	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Chưa thống nhất số liệu kiểm tra	-41,36	
2	Do chồng lấn	-48,34	
3	Khai thác, trồng lại rừng	-19,27	
4	Do bồi lấp	-16,79	
5	Không cập nhật được vào diễn biến rừng	-1,63	
6	Tăng do rừng được phục hồi	3,33	
	Tổng cộng	-124,06	

b. Quản lý bảo vệ diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất phải tạm dừng khai thác: 14.123,52 ha.

- Diện tích được liên ngành kiểm tra, nghiệm thu năm 2023: 14.119,82 ha, giảm 3,70 ha so với kế hoạch.

- Nguyên nhân giảm: Giảm 3,70 ha tại Lô 58, Khoảnh 10, Tiểu khu 155. Đây là diện tích tạm tiếp nhận từ UBND các xã trên địa bàn huyện Ngọc Hồi theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, qua rà soát, xác định diện tích này chồng lấn trên diện tích rừng thực tế Công ty đang quản lý (*Báo cáo số 174/BC-Cty ngày 28/12/2023*).

Như đã trình bày như trên, năm 2023, đơn vị đã quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 cho các Công ty TNHH MTV do ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu. Trong đó, Quản lý bảo vệ diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất phải tạm dừng khai thác và DVMTR giảm 127,76 ha do nhiều nguyên nhân đã nêu trên. Đây là các nguyên nhân bất khả kháng, khách quan mang lại.

Căn cứ Khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, thì việc giảm diện tích thực hiện so với kế hoạch là do các nguyên nhân bất khả kháng nêu trên, nên được xem xét loại trừ.

- Xếp loại: A.

Tổng hợp các chỉ tiêu trên: Doanh nghiệp xếp loại: A

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi kính báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2023.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (B.cáo);
- Sở KH & ĐT (B.cáo);
- Sở NN & PTNT (B.cáo);
- Chủ tịch, GD Cty (Biết);
- PGĐ, KSV (Biết);
- Phòng chuyên môn, ĐVTT (Biết);
- Lưu: VT, KTKH.

GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC THANH VŨ